CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn

Ngày 30/09/2025	17,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**16.3%**	**-**

DT thuần
Q3/25
71.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.10| -4.1%
YoY: ▲ 4.90| 7.4%

LN thuần
Q3/25
-4.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.7| -116%
YoY: ▼1.92| -85.7%

LN sau thuế
Q3/25
-5.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▼31.0| -119%
YoY: ▼1.90| -61.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
16.9%
YoY: +/-▼ 41.7%

ROE (TTM)
Q3/25
54.1%
YoY: +/-▲ 0.2%

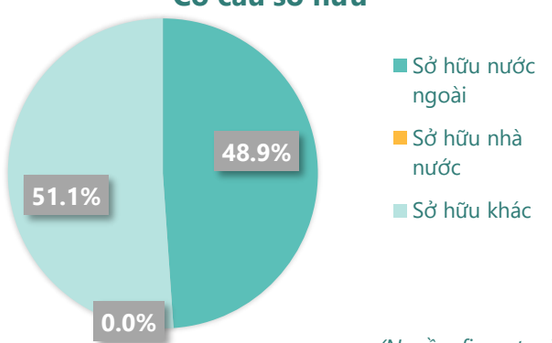
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,200 - 28,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,148
Số lượng CPLH (CP)	64,522,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)	340
Sở hữu nước ngoài	48.9%
Beta	0.50
EPS	9,907
P/E	1.8

DT thuần
9T 2025
216
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.0| 7.8%

LN thuần
9T 2025
-26.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.7| -437%

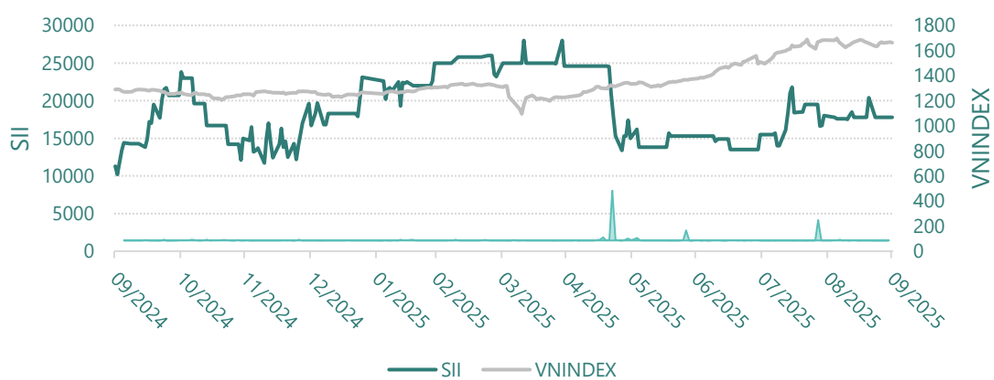
LN sau thuế
9T 2025
-28.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.6| -298%

Cơ cấu sở hữu

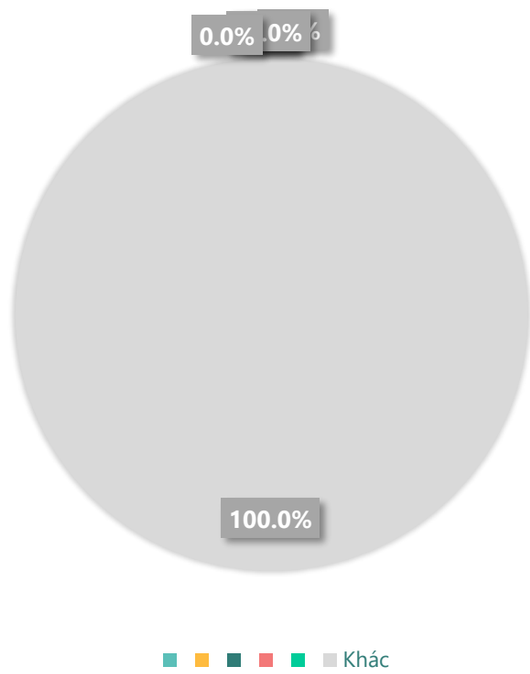


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



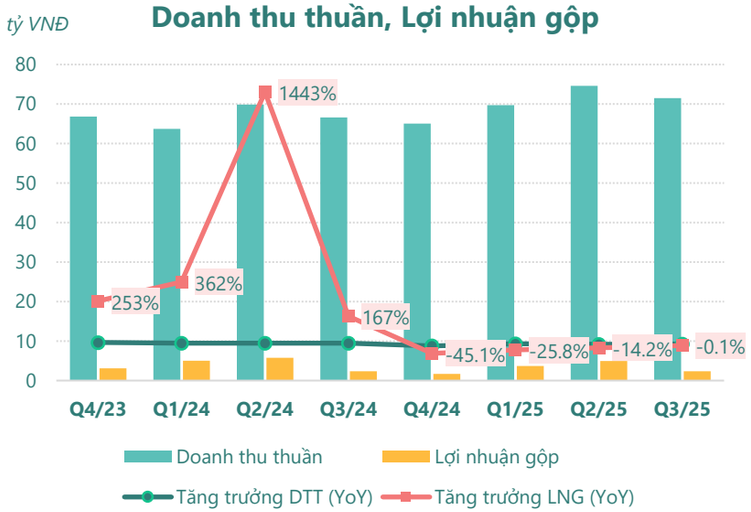
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

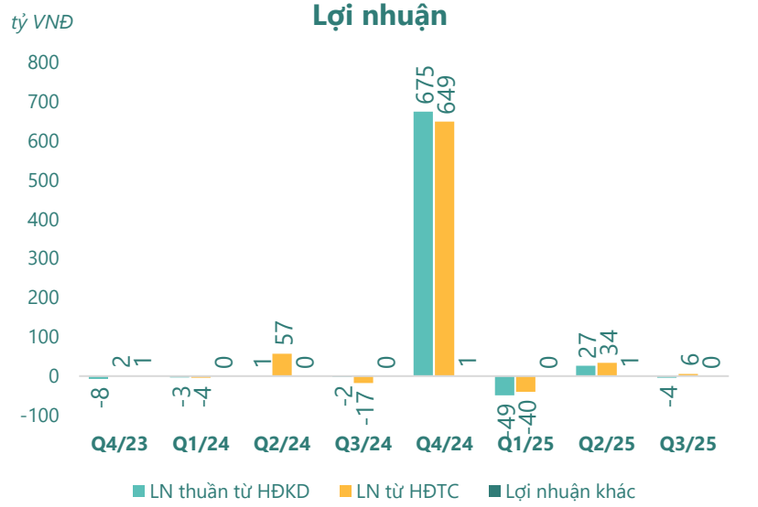
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



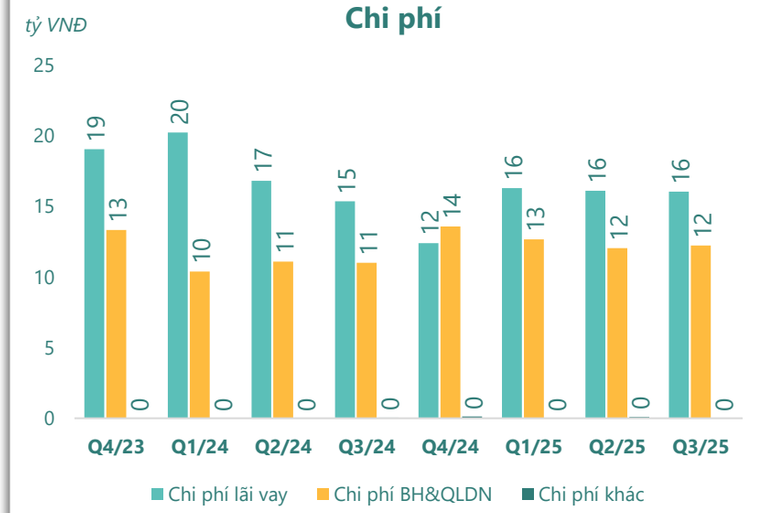
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



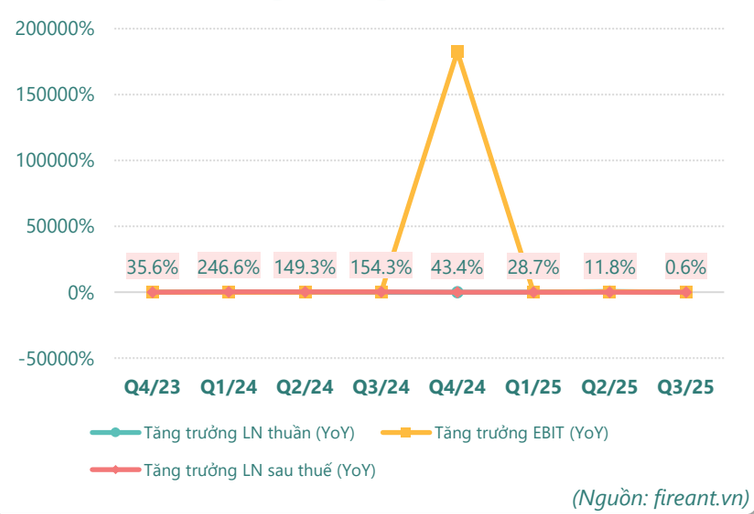
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



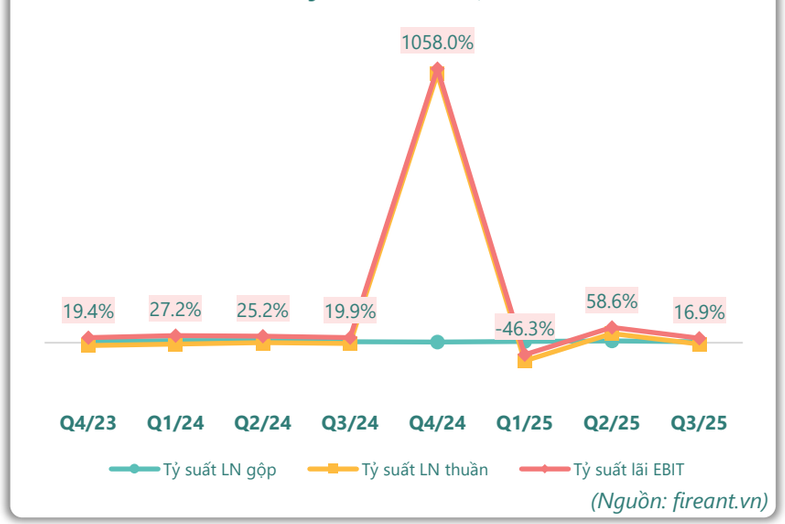
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



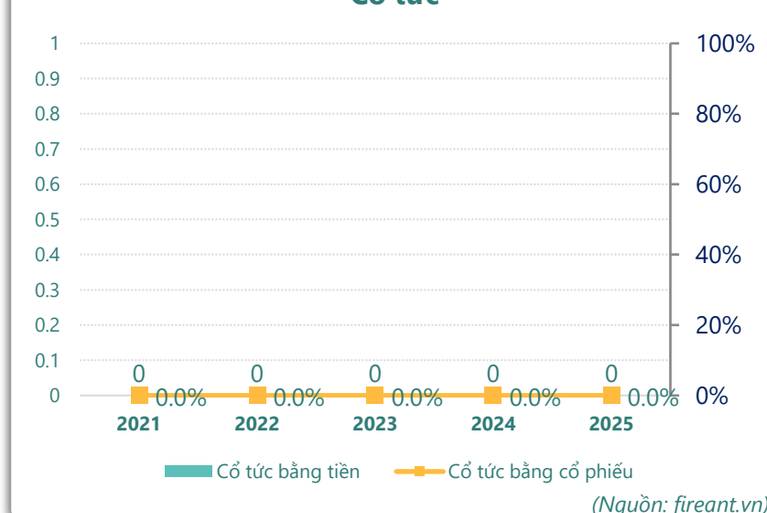
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

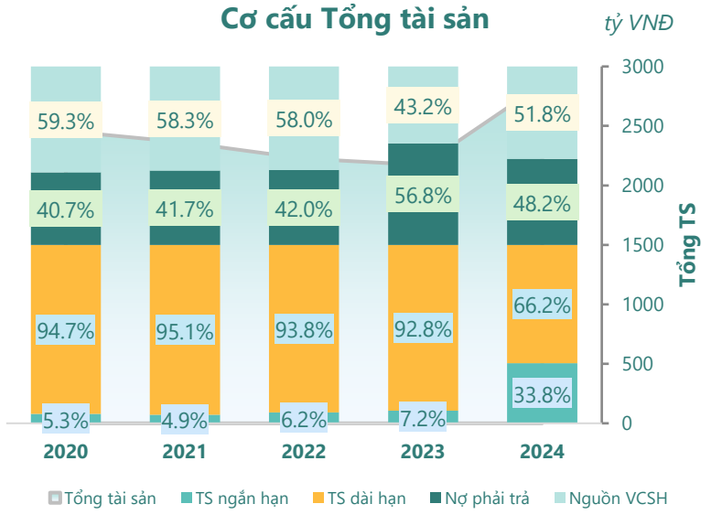
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

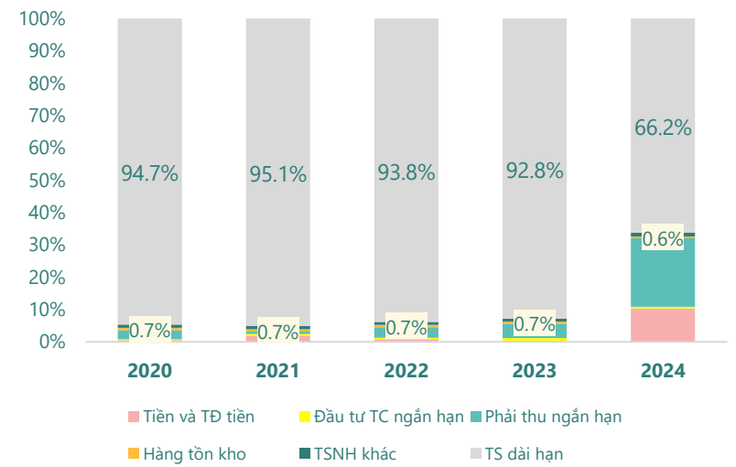
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



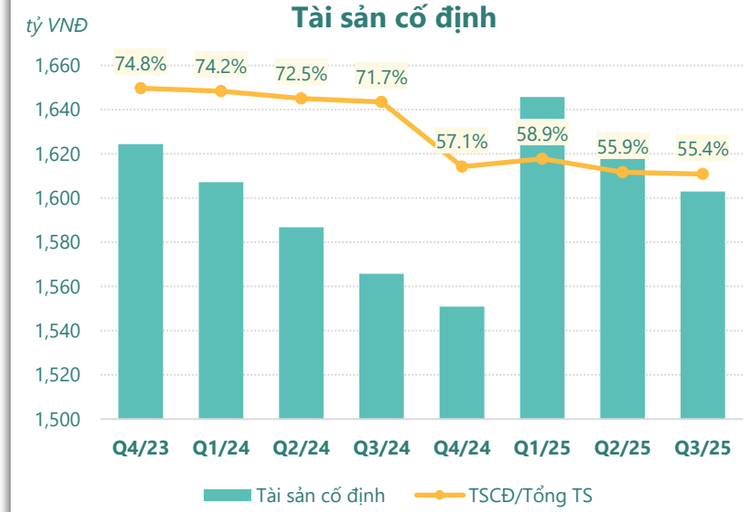
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



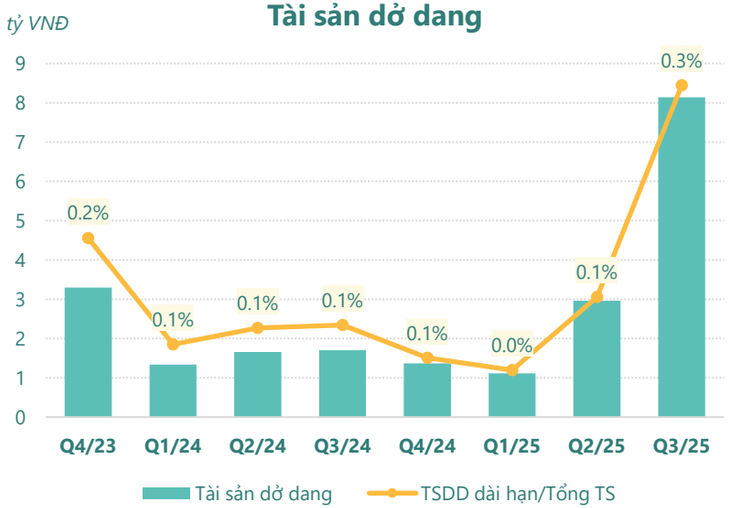
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



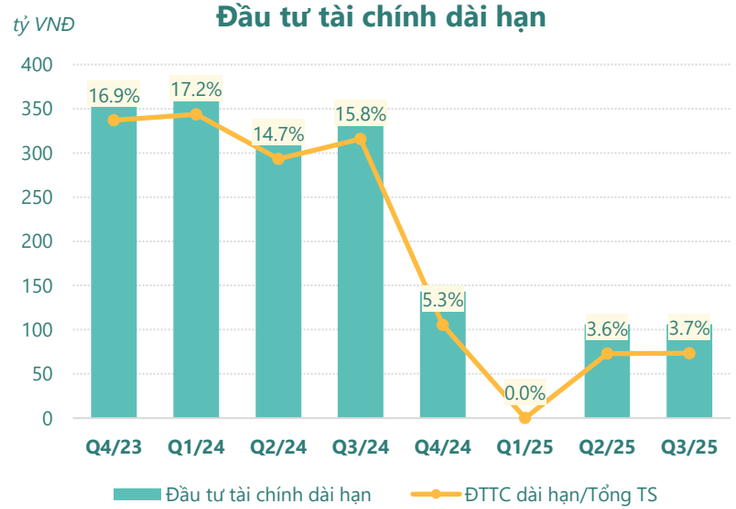
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



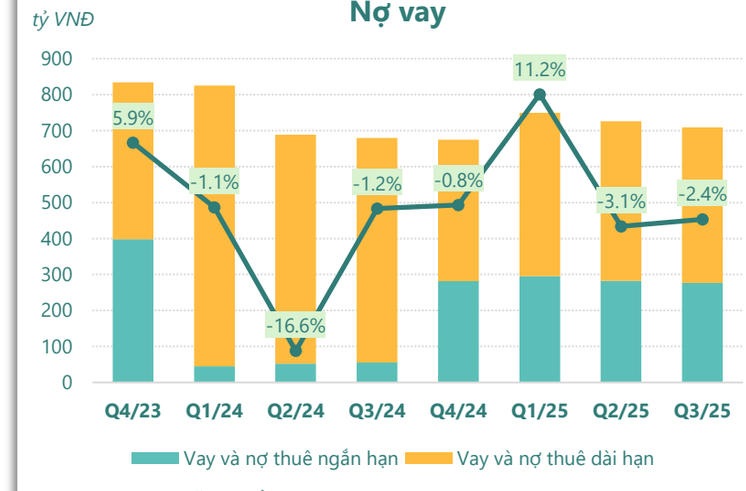
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

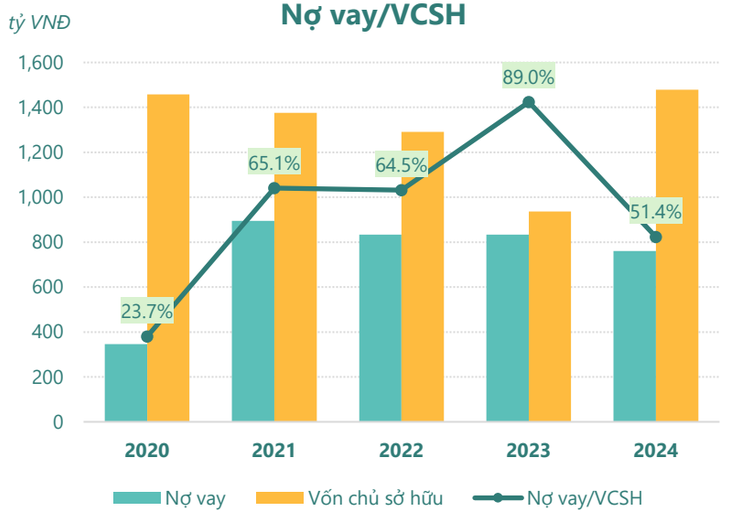
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

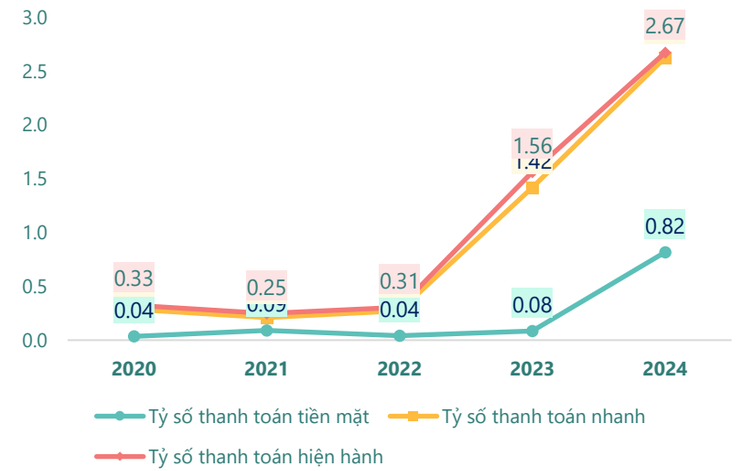
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



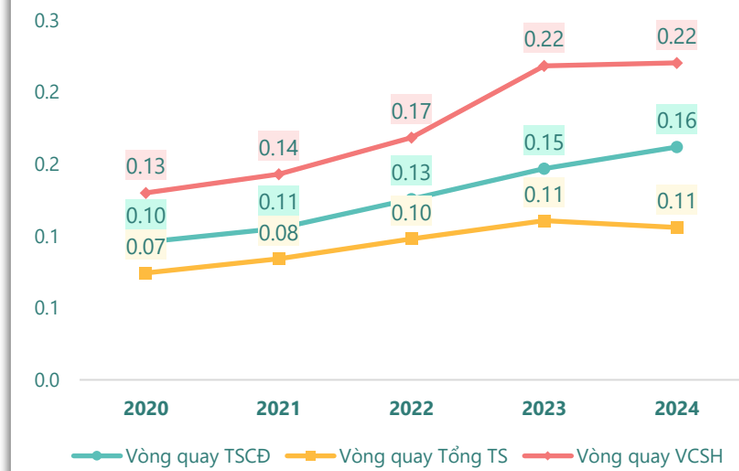
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



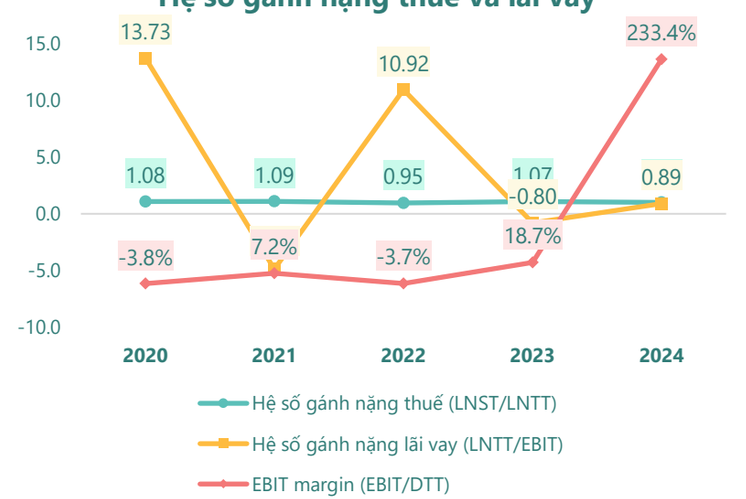
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



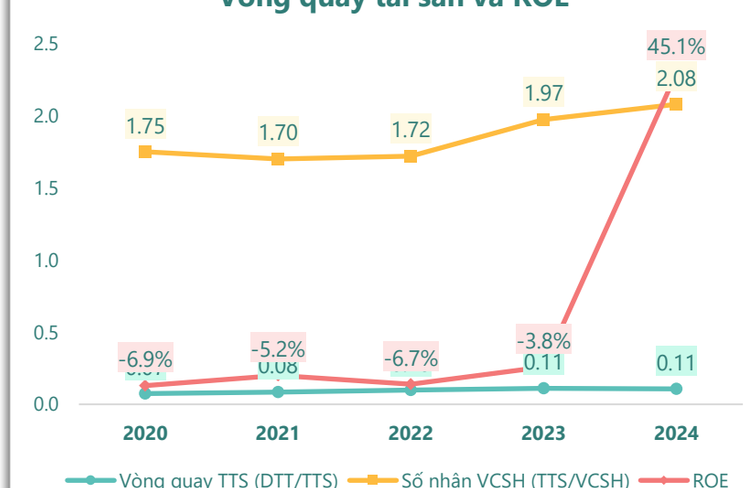
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



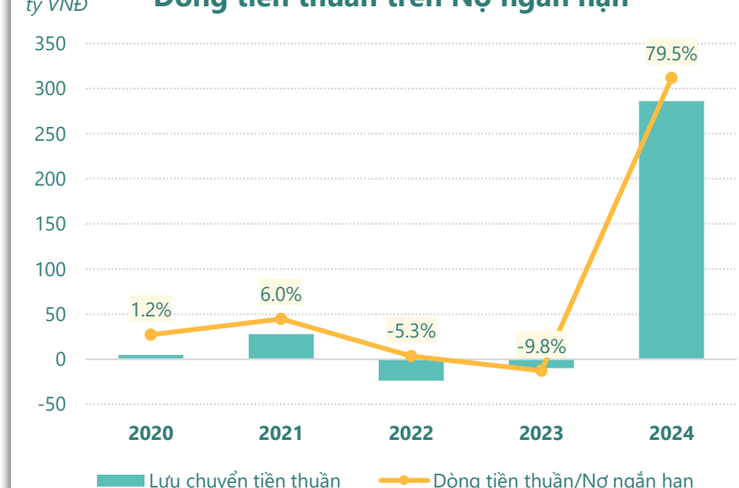
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**71.5**	**66.6**	**7.4%**	**216**	**200**	**7.8%**
Giá vốn hàng bán	69.1	64.2	7.7%	205	187	9.5%
Lợi nhuận gộp	2.38	2.38	0.0%	11.1	13.2	-16.1%
Doanh thu HĐTC	25.0	1.34	1766%	94.8	94.3	0.6%
Chi phí TC	19.3	18.8	2.7%	95.5	58.8	62.4%
Chi phí lãi vay	16.1	15.4	4.3%	48.5	52.4	-7.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**23.9**	**-100%**	**0**	**-21.1**	**100%**
Chi phí bán hàng	4.02	3.59	11.9%	12.2	10.4	16.7%
Chi phí QLDN	**8.22**	**7.44**	**10.5%**	**24.8**	**22.1**	**12.2%**
LN thuần từ HĐKD	-4.16	-2.24	-85.7%	-26.7	-4.97	-437%
Lợi nhuận khác	**0.18**	**0.15**	**18.0%**	**1.70**	**0.69**	**146%**
LN trước thuế	-3.98	-2.09	-90.5%	-25.0	-4.28	-484%
Lợi nhuận sau thuế	**-5.00**	**-3.10**	**-61.4%**	**-28.9**	**-7.27**	**-298%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-6.26**	**-4.72**	**-32.6%**	**-34.2**	**-13.5**	**-153%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-90.4	233	738	-42.2	157	57.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	65.2	-43.2	-94.0	16.4	-333	-51.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.5	-179	-5.56	-11.0	-27.9	-18.2
Tiền đầu kỳ	19.2	23.6	35.3	295	258	54.2
Lưu chuyển tiền thuần	**4.38**	**11.7**	**638**	**-36.8**	**-204**	**-11.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	23.6	35.3	674	258	54.2	42.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,892**	**2,852**	**1.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,096	963	13.9%
Tiền và tương đương tiền	42.6	295	-85.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	16.3	-96.9%
Phải thu ngắn hạn	1,016	603	68.6%
Hàng tồn kho	16.8	16.6	1.5%
Tài sản ngắn hạn khác	20.3	32.8	-38.0%
Tài sản dài hạn	**1,796**	**1,889**	**-4.9%**
Phải thu dài hạn	39.2	39.1	0.2%
Tài sản cố định	1,603	1,664	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.14	1.36	497%
Đầu tư tài chính dài hạn	106	143	-26.0%
Tài sản dài hạn khác	**15.0**	**12.0**	**24.4%**
Lợi thế thương mại	25.0	29.1	-13.9%
Nợ phải trả	1,451	1,373	5.7%
Nợ ngắn hạn	**469**	**360**	**30.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	277	295	-6.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	32.7	30.0	8.9%
Nợ dài hạn	982	1,013	-3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	432	465	-7.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,441**	**1,479**	**-2.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,441**	**1,479**	**-2.5%**
Vốn điều lệ	645	645	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)